TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **83**/2019/HS-PT
Ngày: 08 - 8 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Sang.**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Hoàng Thị Thơ.**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Thái Dũng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Hữu Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Minh Hiếu** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 35/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 05 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2019/HS-ST ngày 18 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thị Thu T, (Q) sinh năm 1992 tại tỉnh Tiền Giang.

Nơi cư trú: Ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị E; bị cáo có chồng đã ly hôn và 03 con: tiền sự: không, tiền án: không; Bị cáo tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Nguyễn Văn D – Văn phòng luật sư D, Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra bản án có 01 bị hại và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/09/2018, Nguyễn Thị Thu T từ nhà trọ xã T, huyện huyện C, tỉnh Tiền Ging về thăm mẹ nuôi là bà Nguyễn Thị E tại ấp P, xã L, thị xã C. Đến chiều cùng ngày T vào nhà vệ sinh thì phát hiện trong túi quần của bà E đang treo có tài sản gồm 02 hộp nhựa màu đỏ được gói bên trong bằng 01 túi ni lon; T mở ra xem thấy bên trong 01 hộp nhựa lớn có 01 sợ dây chuyền vàng 24K trọng lượng 04 chỉ vàng cùng mặt dây chuyền vàng có trong lượng 05 phân vàng và 01 chiếc lắc vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, bên trong hộp nhỏ chứa 01 chiếc nhẫn vàng 18K trọng lượng 06 phân 03 ly nên T nảy sinh ý định lấy cắp vàng của bà E để bán lấy tiền trả nợ. T lấy 01 sợi dây chuyền cùng mặt dây rồi mang đến tiệm vàng PN tại khu phố 2, phường 1, thị xã C để cầm với số tiền 12.000.000 đồng, T trả nợ cho bà Nguyễn Thị Ư số tiền 6.350.000 đồng, số tiền còn lại trả cho một người tên Q không rõ địa chỉ. Tài sản còn lại T để ở vị trí cũ.

Ngày 16/9/2018, T tiếp tục về nhà bà E chơi và vào nhà vệ sinh lấy tiếp 01 chiếc lắc vàng 24K rồi mang đến tiệm vàng PN cầm với số tiền 9.000.000 đồng đem đi trả nợ cho Ngân hàng Việt Nam TV.

Ngày 30/9/2018, T tiếp tục về nhà bà E chơi và vào nhà vệ sinh lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 18K thì bị bà E phát hiện và trình báo Cơ quan điều tra Công an thị xã C.

Ngày 05/10/2018, T chuộc lại số vàng đã cầm và đến Cơ quan điều tra Công an thị xã C đầu thú.

Kết luận định giá tài sản số 133/HĐĐGTS ngày 23/10/2018 xác định tổng giá trị tài sản của bà E bị bà T chiếm đoạt là 28.168.000 đồng, gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 24K trọng lượng 04 chỉ, mặt dây chuyền vàng 24K trọng lượng 05 phân có gắn cẩm thạch màu xanh, 01 chiếc lắc tay vàng 24K trọng lượng 03 chỉ, 01 nhẫn vàng 18K có gắn hột cẩm thạch màu xanh trọng lượng 06 phân 03 ly.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 07/2019/HS-ST ngày 18 tháng 03 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị Thu T** phạm tội **"Trộm cắp tài sản".**

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Thu T 09 (chín) tháng tù**, tính từ ngày bị cáo bị bắt bị bắt giam để thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/03/2019, bị cáo Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN CẤP PHÚC THẨM:

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, luật sư và bị cáo.

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Thu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện đó là nhiều lần lén lút lấy trộm của bà Nguyễn Thị E (là mẹ của bị cáo) 01 sợi dây chuyền vàng 24Kr, 01 chiếc lắc vàng 24Kr và 01 chiếc nhẫn vàng 18Kr đi cầm lấy tiền sử dụng vào mục đích cá nhân. Do đó Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T phạm tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự để xét xử bị cáo. Xét là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, cùng ý kiến bào chữa của vị luật sư. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi lẽ, bị cáo nhận thức được rằng, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân đều bị pháp luật nghiêm khắc trừng phạt, thế nhưng do động cơ xấu tham lam, nên khi vô tình phát hiện thấy nơi cất giấu tài sản là nữ trang bằng vàng của bà E (là mẹ của bị cáo) thì bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt, nên đã lần lượt lén lút lấy từng món tài sản là nữ trang của bà E đi cầm cố lấy tiền, mà bà E không hề hay biết.

Đáng lẽ với nghĩa vụ là con, thấy nơi cất giữ tài sản của bà E không đảm bảo thì bị cáo phải nhắc nhở, hoặc có biện pháp bảo vệ tốt hơn, nhưng bị cáo chẳng những không làm điều đó mà còn làm điều ngược lại, cố ý trộm cắp xâm phạm đến tài sản là nữ trang của mẹ bị cáo phải lao động vất vả mới có được, đã góp phần gây mất trật tự xã trị an xã hội trên địa bàn xảy ra vụ án.

Tòa sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù là đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm, Tuy nhiên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét rằng, nhân thân bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, chưa tiền án tiền sự, nhất thời phạm tội, sau khi bị phát hiện bị cáo chuộc lại tài sản trả lại cho người bị hại và ra đầu thú, tỏ ra ăn năn hối cải, khai báo thành khẩn, hiện tại hoàn cảnh bị cáo thật sự khó khăn, là công nhân, chồng ly hôn, phải nuôi 03 con còn nhỏ, bản thân mắc bệnh hiểm nghèo mới xuất viện, cho nên xét tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo không còn nữa, phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có địa chỉ rõ ràng, nhân thân tốt nên xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo và ý kiến bào chữa của vị luật sư, cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo ngoài xã hội tạo diều kiện cho bị cáo lao động nuôi con và trị bệnh.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn thị Thu T.

Sủa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu T (Q) phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T (Q) 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng được tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật Thi hành án Hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh TG;
- Sở tư pháp tỉnh TG;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh TG;
- Trại tạm giam CATG;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thị xã C, tỉnh TG;
- VKSND thị xã C, tỉnh TG;
- Công an thị xã C, tỉnh TG;
- THADS thị xã C, tỉnh TG;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Sang